

Bản án số: 177/2023/DS-PT

Ngày: 24-7-2023

V/v: “*Tranh chấp chia di sản thừa kế
là quyền sử dụng đất và tài sản gắn
liền với đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh

Ông Phạm Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Bà Bùi Thị Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1948, địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền:

§ Ông Nguyễn Hải T, sinh năm 1968; địa chỉ: D H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng.

§ Bà Võ Thị D, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị H1, sinh năm 1989; địa chỉ: B C, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T1 - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Vũ Huỳnh L, sinh năm 1933; địa chỉ: căn hộ C, nhà A, đường L, phường N, quận T, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H.

+ Bà Ung Thị C, sinh năm 1963, địa chỉ: thôn L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh K, sinh năm 1989; địa chỉ: B C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Ung Thị L1, sinh năm 1967, địa chỉ: xóm E, khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

+ Ông Đỗ Ngọc D1, sinh năm 1958, địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2017; đơn khởi kiện ngày 16/9/2019; biên bản lấy lời khai đương sự ngày 10/9/2019; ngày 30/12/2019 các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị P và người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P trình bày:*

Cha, mẹ đẻ của bà là bà Võ Thị T2 (chết năm 2012) và ông Nguyễn Phú C1 (chết năm 1956). Sau khi cha bà chết, mẹ bà sinh thêm người em gái là Nguyễn Thị H (em cùng mẹ khác cha). Nguyên thửa đất số 01, tờ bản đồ số 06, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi là của mẹ bà được bác ruột là cụ Võ Kiên 1 hạ lại, có diện tích khoảng 6.000m² với giới cận: Phía Đông giáp vườn ông Huỳnh T3, Lê Thanh H2 và bà Y; Phía Tây giáp đường đi vào xóm và giáp vườn các ông Đỗ Ngọc T4, Đỗ Ngọc M; Phía Nam giáp vườn ông Huỳnh Đ; Phía Bắc giáp tỉnh lộ 622.

Năm 1962, mẹ bà về ở và chăm sóc cụ Võ K1 trên mảnh vườn này, đến năm 1965 cụ Võ K1 chết. Sau khi cụ K1 chết, thửa đất này đã được mẹ bà quản lý, sử dụng cho đến khi chết là gần 50 năm; mẹ bà đã xây dựng nhà ở cấp 4 mái lợp ngói, nền xi măng; đồng thời, kê khai theo chính sách pháp luật về đất đai của Nhà nước. Ngày 13/12/1999, mẹ bà được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 5.820m², thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 6, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 2012, mẹ bà chết thì bà được UBND xã T có thông báo số 3313/TB-UBND về việc công khai kết quả phân chia tài sản theo di chúc quyền sử dụng đất của bà Võ Thị T2. Theo nội dung thông báo của UBND xã T thì toàn bộ nhà, đất của mẹ bà đều giao cho cậu bà là ông Vũ Huỳnh L có nơi cư trú và hộ khẩu tại căn hộ S, nhà A đường L, phường N, quận T, thành phố Hà Nội. Không thống nhất với thông báo của UBND xã T, bà có đơn yêu cầu UBND xã T tiến hành hòa giải tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất nhưng UBND xã T không hòa giải nên bà khiếu nại, khởi kiện hành vi hành chính của UBND xã T và được nhận từ UBND xã T 01 tờ giấy có tựa đề di chúc, trong đó có nội dung: “*Mẹ tôi (bà Võ Thị T2) lập di chúc giao toàn bộ nhà, đất cho ông Vũ Huỳnh L*”. Di chúc đề ngày 25/8/2010 do Chủ tịch UBND xã T ký xác nhận ngày 26/8/2010.

Qua nội dung di chúc bà thấy không đúng sự thật, có biểu hiện giả mạo nên bà đã khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã T đến Tòa án. Quá trình Tòa án giải quyết, Chủ tịch UBND xã T đã có văn bản số 33/CV-UBND ngày 15/4/2013 rút lời xác nhận trong di chúc. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2013/HC-ST ngày 28/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng nhận định: “*Hành vi hành chính chứng thực di chúc của Chủ tịch UBND xã T là trái pháp luật... Chủ tịch UBND xã T đã khắc phục hành vi hành chính rút chứng thực (tức di chúc không có chứng thực).*” Như vậy, với nhận định của bản án nêu trên thì tờ giấy có tựa đề di chúc ngày 25/8/2010 do ông Vũ Huỳnh L cung cấp là không hợp pháp. Do đó, di sản của bà Võ Thị T2 để lại được phân chia theo pháp luật.

Di sản của bà Võ Thị T2 gồm có thửa đất số 01, tờ bản đồ số 6, diện tích 5.820m² (đo đạc thực tế là 6.067,6m²) xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; căn nhà cấp 4 có trên thửa đất do bà T2 xây dựng năm 1997; 05 cây dừa; 01 cây bạch đàn; nhà vệ sinh mẹ bà xây dựng vào năm 2003; lưới B40, trụ bê tông rào xung quang thửa đất (riêng phía Đông thửa đất chưa rào lưới B40 và trụ bê tông). Toàn bộ cây keo và các cây khác trên thửa đất là do bà H ông D1 trồng và cây tự mọc.

Nay bà yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Võ Thị T2 là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 6, diện tích 5.820m² (đo đạc thực tế là 6.067,6m²) xã T, huyện T cho bà và bà Nguyễn Thị H mỗi người nhận 3.033,8m² (6.067,6m²/2); bà yêu cầu được nhận 01 căn nhà cấp 04 diện tích 53,3m² trên đất và thanh toán lại ½ giá trị căn nhà cho bà H. Đối với nhà vệ sinh, hàng rào lưới B40, trụ bê tông; 05 cây dừa và 01 cây bạch đàn bà không yêu cầu chia thừa kế. Nếu các loại tài sản này nằm trên phần đất của ai thì người đó được hưởng. Còn đối với các loại cây do bà H và ông D1 trồng nếu nằm trên phần đất mà bà được chia thừa kế thì bà yêu cầu bà H và ông D1 phải chặt đốn, dỡ dọn, thu hoạch để trả lại đất cho bà.

** Tại bản tự khai ngày 23/5/2017, ngày 22/6/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 6, tại xã T, huyện T là đất của tộc họ Võ, không phải mua bán, đất này có trích lục của Sở địa chính tỉnh Quảng Ngãi thuộc Đ2 cấp cho bà cô ngoại bà là cô Phan Thị D2, cụ K1 quản lý sử dụng, khi cụ Võ K1 còn sống có nói với mẹ bà “*Khi nào cậu L về thì giao lại cho cậu*”.

Năm 1975, cụ L về quê thăm những người còn sống, năm 1987 mẹ bà là cụ Võ Thị T2 giao tờ Trích lục Đại Nam Trung kỳ chính phủ đứng tên cổ Phan Thị D2 cho cụ Vũ Huỳnh L để lo giỗ chạp và định đoạt. Năm 1995, cụ Vũ Huỳnh L, cụ Võ Thị H3 và cụ Võ Thị T2 bàn bạc thống nhất giao cho bà Phước quản lý, sử dụng mảnh vườn để lo thờ cúng nhưng bà Phước không đồng ý nên cả ba người thống nhất giao mảnh vườn cho bà. Bà đã quản lý thửa đất này và lo thờ cúng ông bà tổ tiên hàng năm đúng như ý nguyện của cụ L, dì H3 và mẹ bà khi mẹ bà còn sống, Ngày 25/8/2010, cụ T2 có để lại di chúc bổ sung cụ L, cụ H3 vào di chúc. Nay bà Phước khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản thì bà không đồng ý. Đối với nhà cấp 4 trên đất là do cụ Vũ Huỳnh L và vợ chồng bà xây dựng; 01 cây bạch đàn, 05 cây dừa do chồng bà là ông Đỗ Ngọc D1 trồng, trụ bê tông, lưới B40 do vợ chồng bà bỏ tiền ra xây dựng. Ngoài ra, bà yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Võ Thị T2 năm 1999 vì đất này là của ông bà để lại không phải của cụ T2.

Tại phiên tòa hôm nay bà xin rút yêu cầu hủy Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 18/6/2015 của UBND huyện T. Bà đồng ý theo biên bản họp gia đình ngày 07/4/2008 và ngày 08/4/2008 của ông Vũ Huỳnh L, bà Nguyễn Thị T5 và bà Võ Thị H3 là ngôi nhà và thửa đất này dùng vào việc để thờ cúng ông bà, tổ tiên, không được mua bán, phân chia thừa kế cho bất kỳ ai. Bà đồng ý tiếp tục quản lý các tài sản này và có nghĩa vụ dùng vào việc thờ cúng ông bà, tổ tiên.

** Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Vũ Huỳnh L và người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Huỳnh L trình bày:*

Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 6 diện tích 5.820m² tại thôn B xã T là đất do ông bà tổ tiên họ Võ để lại qua bốn đời. Năm 1939, bà nội ông là cổ Phan Thị D2 được Nhà nước khi đó cấp quyền sử dụng đất với diện tích 01 mẫu, 01 sào và 02 thước (tương đương 5.820m² bây giờ) tại thôn B, xã T. Khi còn sống, cổ Phan Thị D2 có 02 người con là cụ Võ K1 và cụ Võ P1. Cụ Võ Phong s hạ được 07 người con (bốn người chết trước năm 1945), bà Võ Thị T2 chết năm 2012, bà Võ Thị H3 chết năm 2013, chỉ còn ông còn sống. Ông Võ K1 chỉ có 01 người con gái (vợ con ông K1 chết trước năm 1960), ông K1 chết năm 1965. Ông tham gia cách mạng từ năm 1946, đến năm 1954 tập kết ra miền B. Khi ông Võ Kiên ở nặng, bà T2 lấy chồng gần đó về chăm sóc, năm 1965 ông K1 chết. Khi còn sống, ông Võ K1 căn dặn bà T2 “*Nếu ông L còn sống trở về thì giao mảnh đất này cho ông L để lo thờ cúng ông bà tổ tiên*”. Trong thời gian bà T2 với bà H3 còn sống, 03 chị em của ông đã thống nhất đất này là của tộc họ nên chị em thống nhất để lại dùng vào việc thờ cúng ông, bà, tổ tiên, không được mua bán, tặng cho hay chia chác được thể hiện tại biên bản họp gia đình ngày 07/4/2008, ngày 08/4/2002 và di chúc bà T2 lập cho ông ngày 25/8/2010. Nay bà Phước yêu cầu chia thừa kế nhà và đất này thì ông không đồng ý; đồng thời, ông yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp cho hộ bà Võ Thị T2 đối với thửa đất này. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông L xin rút việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày

18/6/2015 của UBND huyện T; đồng thời ông đồng ý giao nhà, đất này cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục quản lý để dùng vào việc thờ cúng ông bà, tổ tiên.

**Tại bản tự khai ngày 22/6/2017, 31/7/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Ngọc D1 trình bày:*

Năm 1980, ông lấy vợ là bà Nguyễn Thị H, mẹ vợ ông là cụ Võ Thị T2 bảo ông ở rể nên ông ở phía vợ, lúc đó bà Nguyễn Thị P đã lấy chồng theo chồng không ở với cụ T2. Năm 1988, ông cũng làm nhà trên thửa đất số 01, tờ bản đồ số 6, thôn B, xã T, huyện T, hiện nay nhà này không còn nữa. Năm 1997, ông xin Nhà nước cấp đất và năm 2000, gia đình ông ra ở riêng cho đến nay.

Theo ông biết, năm 1987, cụ Vũ Huỳnh L về lo giỗ chạp ông bà, thì mẹ vợ ông có giao tờ Trích lục Đại Nam Trung kỷ chính phủ mang tên Phan Thị D2 cho cụ L. Năm 1997, cụ L về đưa 10.000.000 đồng cho cụ T2 để làm lại nhà, còn lại bao nhiêu vợ chồng ông lo liệu. Năm 1999, cụ L về và thống nhất giao cho vợ ông lo giỗ chạp. Năm 2003, vợ chồng ông xây nhà vệ sinh. Năm 2006, vợ chồng ông làm tường rào, quây lưới B40; 05 cây dừa do ông và ông Đỗ Ngọc L2 trồng vào năm 1984. Nay, bà Phước khởi kiện chia di sản thừa kế ông không đồng ý. Ông thống nhất với ý kiến của cụ L, vợ ông (Nguyễn Thị H), bà Ung Thị C và bà Ung Thị L1 toàn bộ ngôi nhà và thửa đất dùng làm nơi thờ cúng tổ tiên, ông, bà, cha, mẹ họ Võ phía vợ ông.

** Tại bản tự khai ngày 27/6/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ung Thị C bà Ung Thị L1 và người đại diện theo ủy quyền của bà Ung Thị C trình bày:*

Các bà là con đẻ của cụ Võ Thị H3 và cụ Ung T6 (chết năm 1994). Nguồn gốc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 6, thôn B, xã T, huyện T là của ông bà, tổ tiên để lại, có trích lục từ năm 1939, mang tên Phan Thị D2. Năm 1964 cụ Võ K1 giao toàn bộ đất, nhà cho cụ T2 và dặn khi nào cụ L về thì giao lại cho cụ L để lo việc thờ cúng ông bà tổ tiên. Năm 1987, cụ L về quê thì cụ T2 giao lại toàn bộ giấy tờ cho cụ L. Năm 1997, cụ L đem tiền về xây nhà, vật liệu xây dựng là của vợ chồng bà H. Các bà không có đóng góp gì xây dựng nhà cửa hay trồng trọt trên đất. Nay, bà Phước khởi kiện chia thừa kế thì các bà không đồng ý; bà Ung Thị L1 yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Võ Thị T2 vì đất này là của ông bà để lại không phải của cụ T2 và hủy Quyết định 1471/QĐ-UBND ngày 18/6/2015 của UBND huyện T. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Ung Thị C xin rút yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 1471/QĐ-UBND ngày 18/6/2015 của UBND huyện T.

Trường hợp có căn cứ chia thừa kế thửa đất trên thì các bà đồng ý giao kỹ phần đất của các bà được chia để tiếp tục lưu hạ cho các con cháu họ Võ ở muôn đời sau làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên.

Tại bản tự khai ngày 13/11/2017, 20/3/2018 lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện T trình bày:

Năm 1999, thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và Thông tư số 346 ngày 16/3/1998 của T9, bà Võ Thị T2 đăng ký, kê khai thửa

đất số 01, tờ bản đồ số 6, xã T, huyện T và được Hội đồng xét giao đất xã T đủ điều kiện và UBND xã T lập tờ trình đề nghị UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 13/12/1999, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Võ Thị T2 số 01247/QSĐĐ/248/1999/QĐ-UB tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 6, xã T, diện tích 5.820m² (400m² đất ở, 5.420m² đất vườn). Tại thời điểm đăng ký, kê khai hộ bà Võ Thị T2 không cung cấp các giấy tờ liên quan đến thửa đất, UBND huyện xét quá trình sử dụng đất ổn định, lâu dài, không có tranh chấp, nên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị T2 là đúng quy định về đất đai.

Khi UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Võ Thị T2 thì năm 2011, trên cơ sở biên bản họp gia đình và bản di chúc, ông Vũ Huỳnh L nộp hồ sơ đề nghị cấp đồng quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị T2, bà Võ Thị H3, ông Vũ Huỳnh L. Sau đó, UBND huyện T ban hành Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 18/01/2011 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Võ Thị T2. Năm 2013, bà Nguyễn Thị P khiếu nại Quyết định số 71/QĐ-UBND. Qua xem xét hồ sơ, UBND huyện T nhận thấy việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do bổ sung người đồng quyền sử dụng đất không được quy định tại Luật Đất đai 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Vì vậy, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 18/6/2015 về việc hủy bỏ Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 18/01/2011 là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Căn cứ 26, Điều 34, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 645, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 670, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 733, Điều 734, Điều 735 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 6, xã T, diện tích 5.820m² (đo đạc thực tế là 6.067,6m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01247/QSĐĐ/248/QĐ-UBND(H), ngày 13/12/1999 của UBND huyện T cấp cho hộ bà Võ Thị T2.

2. Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01247/QSĐĐ/248/QĐ-UBND(H), ngày 13/12/1999 của UBND huyện T cấp cho hộ bà Võ Thị T2 tại thửa đất số 01, diện tích 5.820m², tờ bản đồ số 6 xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Ung Thị L1 về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 18/6/2015 của UBND huyện T về việc hủy bỏ Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 18/01/2011 của UBND huyện T về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01247/QSĐĐ/248/QĐ-UBND(H),

ngày 13/12/1999 của UBND huyện T cấp cho hộ bà Võ Thị T2 ở thôn B, xã T, huyện T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo

Ngày 26/12/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: kết luận trong bản án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án, có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo hướng chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế đối với di sản của bà Võ Thị T2.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm**

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị P giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Theo “*Trích lục Đại nam trung kỳ chính phủ*” năm 1939, thửa đất tại xã B là của cố Phan Thị D2. Theo xác nhận của C2, tỉnh Quảng Ngãi thì xã T, huyện T hiện nay trước Cách mạng tháng 8/1945 là xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Trên thửa đất có phần mộ của cố T7, cố D2, cố K1 và nhiều người trong dòng họ Võ. Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 28/9/1999 của bà Võ Thị T2 kê khai thửa đất số 01 có nguồn gốc là của ông bà lưu hạ. Như vậy, có căn cứ xác định thửa đất này có nguồn gốc là của cố Dưa, không phải của ông K1. Sau khi ông K1 và ông P1 chết thì thửa đất là di sản để lại cho ông Vũ Huỳnh L, bà Võ Thị H3 và bà Võ Thị T2.

Mặc dù năm 1999 bà T2 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vào ngày 2/3/2008, bà T2 làm đơn đề nghị cho hai người em là ông Vũ Huỳnh L, bà Võ Thị H3 cùng đứng tên. Ngày 7/4/2008 và ngày 8/4/2008, tại cuộc họp gia đình, bà T2 cùng với ông L, bà H3 thoả thuận thửa đất này là của ông bà để lại dùng vào mục đích thờ cúng, không bán, chia thừa kế. Đơn yêu cầu ngày 19/12/2011 không có nội dung chia thừa kế. Như vậy, ý chí của bà T2 sử dụng thửa đất này vào mục đích thờ cúng.

Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ thừa kế: theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: cố Võ Duy T8 (đã chết) và cố Phan Thị D2 (đã chết) có hai người con: ông Võ P1 (chết năm 1945), ông Võ K1 (chết năm 1965). Ông Võ P1 và bà Huỳnh Thị S (chết năm 1948) có ba người con: Võ Thị T2 (chết năm 2012), Võ Thị H3 (chết năm 2013) và Vũ Huỳnh L (V). Vợ và con ông Võ K1 chết trước năm 1945. Bà Võ Thị T2 và ông Nguyễn Phú C1 (chết năm 1956) có một người con: bà Nguyễn Thị P; Bà Võ Thị T2 còn có người con khác là bà

Nguyễn Thị H (không xác định được cha của bà H). Bà Võ Thị H3 và ông Ung T6 (chết năm 1994) có hai người con: bà Ung Thị L1 và Ung Thị C.

[2] Về nguồn gốc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 6, xã T, diện tích 5.820m² (gọi tắt là thửa đất số 01), thấy rằng:

Mặc dù vào năm 1962 bà Võ Thị T2 về ở với bác ruột là ông Võ K1 trên thửa đất số 01; năm 1965 ông K1 chết thì bà T2 vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng và xây dựng nhà cấp 4 trên thửa đất này; ngày 13/12/1999 bà T2 được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, căn cứ bản “*Trích lục Đ1 nam trung kỳ chánh phủ*” cấp cho cố Phan Thị D2 vào năm 1939; biên bản họp gia đình ngày 07/4/2008 và ngày 08/4/2008 giữa ông Vũ Huỳnh L, bà Võ Thị T2 và bà Võ Thị H3; đơn đề nghị ngày 02/3/2008 của bà Võ Thị T2 đề nghị công nhận tên 02 người là ông L và bà H3 cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T2, thực tế hiện nay trên thửa đất này có phần mộ của cố T8, cố Dưa, ông K1 và rất nhiều phần mộ của những người trong dòng họ Võ, có căn cứ xác định: thửa đất số 01 (theo bản đồ năm 1998) có nguồn gốc của cố Võ Duy T8 và cố Phan Thị D2 là cha, mẹ của các ông: Võ P1, Võ K1 tạo lập, quản lý, sử dụng và sau này lưu hạ lại cho ông Võ P1, Võ K1 cùng sử dụng. Sau khi vợ chồng ông P1 chết, ông K1 quản lý sử dụng thửa đất số 01; lúc này bà T2, bà H3 lấy chồng và sinh sống nơi khác, còn ông Lương đ tập kết ra B. Từ năm 1962 bà T2 về sinh sống tại thửa đất số 01 cùng với ông K1. Sau khi ông K1 chết năm 1965, bà T2 tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất này. Bà T2 chết năm 2012.

[3] Nguyên đơn cho rằng nhà, đất là của ông K1 cho bà T2 nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 28/9/1999 của bà Võ Thị T2 thể hiện bà T2 kê khai 03 diện tích đất, trong đó có diện tích 5.820m² thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 6 xã T là đất thổ cư có nguồn gốc: “*ông bà lưu hạ*”. Tại văn bản số 447/UBND-NC ngày 02/3/2020 của UBND huyện T và văn bản số 11/UBND ngày 14/02/2020 của UBND xã T xác định: “*Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 6, diện tích 5.820m² cấp cho hộ bà Võ Thị T2 không cân đối theo nghị định 64/CP lý do: Theo Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thì thời điểm này hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã kê khai có nguồn gốc đất ổn định thuộc đất ông, bà, cha, mẹ để lại thì được công nhận quyền sử dụng đất, còn việc giao đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP chỉ giao và cân đối giao theo hạn mức đất nông nghiệp như đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác, với trường hợp của bà Võ Thị T2 không cân đối theo Nghị định 64/CP. Khi cấp giấy chứng nhận cho hộ bà T2 chỉ có một mình bà T2, không có nhân khẩu nào khác trong hộ*”.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 01 là di sản của cố Phan Thị D2 để lại. Khi cố D2 chết để lại cho hai con là ông K1 và ông P1. Sau khi ông K1 và ông P1 chết thì di sản thuộc hàng thừa kế tiếp theo là ông Vũ Huỳnh L, bà Võ Thị H3 và bà Võ Thị T2, là có căn cứ.

[5] Về yêu cầu chia thừa kế toàn bộ nhà và thửa đất số 01 của nguyên đơn, thấy rằng:

Ngày 13/3/1999, các ông, bà T2, H3 và L cùng lập giấy ủy quyền với nội dung thống nhất phân chia thửa đất số 01 thành 04 phần có sơ đồ, vị trí cụ thể, gồm: ông L 01 phần; bà T2 01 phần; bà H3 01 phần và bà Nguyễn Thị H (người được giao thờ cúng, giỗ chạp hàng năm) 01 phần, nhưng thực tế các ông, bà không phân chia theo giấy ủy quyền này. Sau đó, bà T2 làm thủ tục đăng ký kê khai và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 01 cho hộ bà T2 vào ngày 13/12/1999.

[6] Ngày 07/4/2008, bà T2, bà H3 và ông Lương l1 biên bản họp gia đình, theo đó các ông, bà thống nhất để nguyên diện tích thửa đất số 01 làm nơi thờ cúng, không chia thừa kế, không nhượng, bán, tặng, cho mượn, cho thuê; đồng thời các ông bà còn thống nhất người đứng tên chính là bà Võ Thị T2, hai người sử dụng đất đồng quyền là bà Võ Thị H3 và ông Vũ Huỳnh L.

[7] Ngày 08/4/2008, cụ T2, cụ H3 và cụ L tiếp tục lập biên bản họp gia đình có nội dung: *“Thống nhất để nguyên diện tích 5.820m² tại thôn B, xã T làm lưu niệm, là nơi tập trung con cháu nội, ngoại, thấp hương tưởng nhớ tổ tiên, là nơi tạo ra cơ sở vật chất để cúng giỗ và trợ giúp công sức người quản lý, không nhượng bán, thế chấp, quà tặng, cho thuê, cho mượn. Mọi sự thay đổi khác đều phải được sự đồng ý của ba người đồng quyền sử dụng đất...”*

[8] Ngày 25/8/2010, bà T2 lập di chúc để lại toàn bộ nhà cửa, đất đai của thửa đất số 01 cho ông L để phục vụ cho việc thờ cúng, không được bán, thế chấp. Mặc dù di chúc ngày 26/8/2010 của bà Võ Thị T2 không đảm bảo về hình thức nhưng nội dung di chúc thể hiện nguyện vọng của bà T2 để lại nhà, đất tại thửa đất số 01 cho cụ L dùng vào việc cúng, không được bán, thế chấp.

[9] Về đơn yêu cầu ngày 19/12/2011 của bà T2 có nội dung để lại cho hai con gái (bà Phước và bà H) thay thế bà để lo việc thờ cúng tổ tiên và sau này lo hương khói cho bà. Trong đơn yêu cầu này không có nội dung bà T2 để lại thừa kế nhà đất tại thửa đất số 01 cho bà Phước và bà H. Do đó, không có căn cứ để cho rằng cụ T2 đã định đoạt toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 01 cho bà Phước và bà H.

[10] Như vậy, khi còn sống bà T2 xác định thửa đất này là của ông bà để lại, bà đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đưa hai người em ruột của mình là bà Võ Thị H3 và ông Vũ Huỳnh L cùng đứng tên vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà tại thửa đất số 01. Theo biên bản họp gia đình ngày 07/4/2008 và ngày 08/4/2008, bà T2 thống nhất với bà H3 và ông L để lại toàn bộ nhà đất này dùng vào việc thờ cúng, không nhượng bán, thế chấp, tặng, cho.

[11] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà, đất tại thửa đất số 01 là có căn cứ.

[12] Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01247/QSDĐ/248/QĐ-UBND(H) ngày 13/12/1999 của UBND huyện T cấp cho hộ bà Võ Thị T2 tại thửa đất số 01:

Như đã phân tích trên, thửa đất số 01 là di sản của cố Phan Thị D2 để lại. Khi cố D2 chết để lại cho hai con là ông K1 và ông P1. Nay ông K1 và ông P1 chết thì di sản thuộc hàng thừa kế tiếp theo là ông Vũ Huỳnh L, bà Võ Thị Thi H3 và bà Võ Thị T2. Năm 1999, bà T2 làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đã thừa nhận thửa đất này do ông bà lưu hạ; UBND huyện T cũng thừa nhận tại thời điểm đăng ký kê khai hộ bà T2 không cung cấp các giấy tờ liên quan đến thửa đất. Việc bà T2 đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được sự đồng ý hoặc thỏa thuận của các đồng thừa kế khác là ông L và bà H3. Do đó, việc UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà T2 tại thửa đất số 01 là trái pháp luật, không đúng đối tượng sử dụng đất, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà H3 và ông L nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định tại Điều 106 Luật Đất đai 2013, Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[13] Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[14] Bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị P được miễn án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự